TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25-4-2025
V/v: "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Văn Công Trọn**

2. Ông **Hồ Quang Minh**

***- Thư ký phiên tòa**:* Bà **Nguyễn Cẩm Hường** - Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 2001, địa chỉ cư trú: Số H, đường L, ấp M, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh **Đặng Văn H**, sinh năm 1999, địa chỉ cư trú: Ấp G, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(Nguyên đơn và bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Hồng N** trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và anh H xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Sau khi sống chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng về quan điểm sống, không tin tưởng nhau, sống không còn hạnh phúc.

Nay, nguyên đơn nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người chung cháu Đặng Ngọc T, sinh ngày 08/7/2024 (giới tính: Nữ), hiện cháu do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu T cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Nguyên đơn yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Toà án xét xử sơ thẩm.

Về tài sản, nợ: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh **Đặng Văn H** trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến trình bày của chị N. Nay, bị đơn thống nhất ly hôn với chị N.

Về con chung: Thống nhất với ý kiến trình bày của chị N. Nay, bị đơn đồng ý giao cháu Đặng Ngọc T, sinh ngày 08/7/2024 (giới tính: Nữ) cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Bị đơn không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị N.

Về tài sản, nợ: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, anh H yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt theo quy định.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do chị N vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, chị N có cung cấp cho Toà án Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 18/4/2025, trong đó về hôn nhân, tài sản và nợ chị N giữ nguyên ý kiến, chỉ thay đổi về cấp dưỡng: do anh H không đồng ý cấp dưỡng, nay nguyên đơn thay đổi cũng không có yêu cầu anh H phải cấp dưỡng.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đã có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị N và bị đơn anh H đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Được xác định là "Tranh chấp về Ly hôn", bị đơn là anh H có nơi cư trú tại ấp G, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Từ đó, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung:**

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2023 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 17/3/2023, thì cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh H đều xác định vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cả chị N và anh H thống nhất ly hôn.

Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ chung sống với nhau. Mặt khác, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình: "Điều 4. Ly hôn theo yêu cầu của một bên quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. 3. "Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được" là thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng;".

Xét, hôn nhân giữa chị N và anh H đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện của chị N là có căn cứ được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Giữa chị N và anh H có chung 01 người con là cháu Đặng Ngọc T, sinh ngày 08/7/2024 (giới tính: Nữ). Xét, quá trình giải quyết vụ án chị N và anh H thống nhất xác định hiện cháu T đang sống chung với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành, phía anh H đồng ý giao cháu T cho chị N được quyền nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử, xét vì lợi ích của con chung, đảm bảo ổn định trong cuộc sống, cần giao cháu T cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, phù hợp với khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Chị N và anh H không ai có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[3] **Về án phí**: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, nên chị N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với anh Đặng Văn H.

2/ Về con chung: Giao cháu Đặng Ngọc T, sinh ngày 08/7/2024 (giới tính: Nữ) cho chị Nguyễn Thị Hồng N được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/ Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết ở vụ án khác.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, đối trừ với số tiền 300.000 đồng mà chị N đã dự nộp tại Biên lai thu 0005294 ngày 04/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Quang